

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KIM PHONG
Năm báo cáo 2012

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giai đoạn hoạt động theo loại hình công ty TNHH (từ ngày 03 tháng 03 năm 1995 đến ngày 27 tháng 12 năm 2006)

Năm 1995, Công ty được thành lập theo giấy phép thành lập số 249/GP-UB do Ủy Ban Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 02 năm 1995 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 041888 do Ủy Ban Kế Hoạch thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 03 năm 1995 với tên gọi là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Phong, vốn điều lệ là 1.450.000.000 đồng và số lượng thành viên là 04 người. Trụ sở chính của Công ty là 160 Phó Cơ Điều, Phường 6, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Thay đổi lần 1 : Ngày 05 tháng 09 năm 1998 đã đăng ký thay đổi lần thứ 1 với nội dung là tăng thêm vốn điều lệ là 18.125.000.000 đồng (vốn điều lệ mới là 19.575.000.000 đồng) và thay đổi cơ cấu thành viên.

Thay đổi lần 2 : Ngày 15 tháng 09 năm 1999 đã đăng ký thay đổi lần thứ 2 với nội dung là thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty. Địa chỉ mới là 253 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Thay đổi lần 3 : Ngày 25 tháng 02 năm 2000 đã đăng ký thay đổi lần thứ 3 với nội dung là tăng thêm vốn điều lệ là 986.000.000 đồng (vốn điều lệ mới là 20.561.000.000 đồng); tăng thêm 01 thành viên (tổng số thành viên mới là 05 người).

Thay đổi lần 4 : Ngày 12 tháng 11 năm 2002 đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 với nội dung là thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty. Địa chỉ mới là 18 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Thay đổi lần 5 : Ngày 09 tháng 09 năm 2004 đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 với nội dung là tăng thêm vốn điều lệ là 59.439.000.000 đồng (vốn điều lệ mới là 80.000.000.000 đồng); tăng thêm 03 thành viên (tổng số thành viên mới là 08 người).

Thay đổi lần 6 : Ngày 08 tháng 02 năm 2006 đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 với nội dung thay đổi cơ cấu thành viên .

Thay đổi lần 7 : Ngày 10 tháng 08 năm 2006 đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 với nội dung là thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty. Địa chỉ mới là 235 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Thay đổi lần 8 : Ngày 18 tháng 12 năm 2006 đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 với nội dung là tăng thêm vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng (vốn điều lệ mới là 100.000.000.000 đồng).

Thay đổi lần 9 : Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Kim Phong đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Kim Phong theo Giấy CNĐKKD số 4103005813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2006

1.2 *Giai đoạn hoạt động theo loại hình công ty cổ phần (bắt đầu từ ngày 27 tháng 12 năm 2006 đến nay)*

- Ngày 15 tháng 01 năm 2007, Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Kim Phong đã đăng ký thay đổi lần thứ 1 với nội dung là bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

- Ngày 03/03/2011, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lý Chí Cường, chức vụ là Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. *Trụ sở và các chi nhánh*

2.1. *Trụ sở chính*

Địa chỉ : 235 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại(84-8)863 9761-866 3219-863 9759-865 8866

Fax(84-8)863 9804

Email kimphongcongy@yahoo.com.vn

Website www.kimphongceramic.com

2.2. *Chi nhánh tại Tỉnh Đồng Nai*

Địa chỉ : Ấp Bến Cam, Tỉnh lộ 319, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-061) 3848317 - 3848318 Fax : (84-061) 3848429

2.3. *Chi nhánh tại Thành phố Cần Thơ*

Địa chỉ : 66 Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại : (84-071) 0833469

Fax : (84-071) 0833470

Giải thể ngày 01/06/2011 theo thông báo giải thể số 22/TBGT-ĐKD.

2.4. Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ : 198 Phố Hàng Bông, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 6334412

Fax : (84-4) 6331255

Giải thể ngày 17/07/2012 theo thông báo giải thể số 56/TBGT-ĐKD.01

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán gạch men, gốm sứ, xi măng (không sản xuất tại cơ sở)
- Sản xuất vật liệu xây dựng
- Khai thác và chế biến khoáng sản : cát, đất, đá, sỏi (không hoạt động tại trụ sở)
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành xây dựng, ngành công, nông, ngư nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất
- Đại lý ký gởi hàng hóa.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường.
- Kinh doanh nhà ở.
- Cán kéo sắt xây dựng.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Hoạt động chính của Kim Phong hiện nay là sản xuất và kinh doanh các loại gạch thạch anh (Granite) và gạch men (Ceramic) dùng để ốp tường, gạch lát nền và gạch viền trang trí cao cấp. Lợi thế của Kim Phong hiện nay là có hệ thống máy móc dây chuyền sản xuất được những sản phẩm độc đáo về kích thước, chủng loại, màu sắc... và gần gũi, thân thiện với môi trường. Các sản phẩm này đều đạt tiêu chuẩn Châu Âu, chất lượng tốt, kích thước và mẫu mã đa dạng, chi tiết như sau:

4.2. Chủng loại sản phẩm Ceramic:

Gạch Ceramic chủ yếu sử dụng nguyên liệu chính là đất sét, tràng thạch, cao

lạnh... để tạo hình viên gạch (khung xương). Khung xương sau đó được tráng men màu, men màu là loại hỗn hợp nhiều nguyên liệu chính nh Frit, Hydroxyt nhôm, Zicon ($ZrSiO_4$) v.v... Gạch Ceramic phân theo công dụng có 02 loại là loại dùng để ốp tường và loại dùng để lát nền với nhiều kích cỡ, mẫu mã và màu sắc khác nhau như: 20 x 20 cm, 25 x 25 cm, 30 x 30 cm, 40 x 40 cm, 20 x 25 cm, 25 x 40 cm ...

4.3. *Chủng loại sản phẩm gạch Granite:*

Gạch Granite có tính năng vượt trội hơn gạch Ceramic về yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm (độ cứng, độ mài mòn, độ hút ẩm .v.v...) nên các loại nguyên liệu được sử dụng là loại tinh chất hơn. Khung xương gạch Granite sử dụng các nguyên liệu chính để tạo ra sản phẩm giống như gạch Ceramic là các loại cao lanh, tràng thạch, cát, màu, v.v... Tuỳ theo từng loại mẫu mã, sản phẩm đọc phối liệu màu và tạo vân trên thiết bị trước khi ép-nung. Thành phẩm được mài bóng hay mài cạnh tuỳ thuộc vào mục đích đích của người tiêu dùng. Gạch granite chủ yếu được sử dụng để lát nền, các kích cỡ: 30 x 30 cm, 40 x 40cm, 20 x 60cm, 30 x 60cm, 60 x 60cm, 40 x 80cm, 80 x 80cm, 100 x 100cm.

5. **Cơ cấu doanh thu qua các năm từ năm 2009 đến 2011**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Gạch ceramic các loại	198.505	64,67%	290.511	80,19%	326.967	79,30%
Gạch granite các loại	108.425	35,33%	71.786	19,81%	85.350	20,70%

6. **Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm từ 2009 đến 2011**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Gạch ceramic các loại	6.307	75,50%	4.905	70,35%	5.293	70,10%
Gạch granite các loại	2.046	24,50%	2.067	29,65%	2.257	29,90%

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng cộng	8.353	100%	6.972	100%	7.550	100%

• **Nhận xét:**

Tổng doanh thu của cả Công ty tăng đều qua các năm, trung bình khoảng 18% giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2011. Mức tăng trưởng doanh thu này tương đối cao so với các công ty khác trong ngành.

Hiện tại, Kim Phong sản xuất hai chủng loại gạch là Ceramic và Granite. Tỷ trọng doanh thu của loại gạch Ceramic các năm qua vẫn chiếm tỷ lệ cao (khoảng trên 60%). Tuy nhiên, Công ty đang từng bước chuyển dịch cơ cấu này sang loại gạch Granite (gạch cao cấp).

7. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Về sản xuất: công ty sẽ đầu tư, nâng cao và ổn định số lượng sản xuất. Phát triển mẫu mã mới, nâng cao và giữ ổn định chất lượng các loại gạch men.
- Về tiêu thụ : sẽ nâng dần tỷ trọng xuất khẩu so với tiêu thụ nội địa (hiện nay doanh thu xuất khẩu chiếm 16,24%)

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Kết quả kinh doanh năm 2012

Chỉ tiêu	MS	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	443,451,314,105
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	184,439,500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	443,266,874,605
4. Giá vốn hàng bán	11	388,389,759,278
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	54,877,115,327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	806,757,124
7. Chi phí tài chính	22	43,154,733,094
Trong đó : Lãi vay phải trả	23	38,144,305,164
8. Chi phí bán hàng	24	3,750,914,774
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9,437,511,223
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30	(659,286,640)
11. Thu nhập khác	31	3,912,356,306
12. Chi phí khác	32	447,941,356

13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	3,464,414,950
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	2,805,128,310
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	2,805,128,310
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	224.41

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)
- Về đầu tư : Trong năm đã đầu tư khoảng 6,5 tỷ để mua sắm máy móc, thiết bị.
 - Chiến lược kinh doanh : Nắm chắc thị trường nội địa, thiết kế và sản xuất sản phẩm mới cho phù hợp với yêu cầu của thị trường, tiến tới định hướng tiêu dùng gạch men cho thị trường nội địa.
 - Sản phẩm và thị trường mới: Trong năm về quy cách gạch có biến động lớn, những quy cách mới như gạch 25x40, 30x60, 35x45 đang có nhu cầu cao. Nhu cầu cho hoạt động bất động sản chững lại cũng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

Theo báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh như sau :

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư : 2,24%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu : 0,63%
- Khả năng thanh toán nhanh: 0,6%

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn đầu tư thấp là do trong năm có chênh lệch tỷ giá USD cao do phải nhập khẩu nguyên vật liệu.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo là :

Tên loại	Mã số	Số cuối kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (110+120+130+140+150)	100	643,039,751,257
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	2,273,959,189
1. Tiền	111	2,273,959,189
2. Các khoản tương đương tiền	112	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	16,154,263,790

1. Phải thu của khách hàng	131	13,746,235,709
2. Trả trước cho người bán	132	1,377,870,600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	0
5. Các khoản phải thu khác	135	1,030,157,481
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	0
IV. Hàng tồn kho	140	612,904,710,118
1. Hàng tồn kho	141	612,904,710,118
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	11,706,818,160
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11,201,616,542
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	505,201,618
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	0
		0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200	314,575,683,000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0
II. Tài sản cố định	220	260,169,567,406
1. Tài sản cố định hữu hình	221	213,384,645,366
- Nguyên giá	222	495,958,298,087
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-282,573,652,721
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	27,207,681,904
- Nguyên giá	225	40,945,858,665
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-13,738,176,761
3. Tài sản cố định vô hình	227	6,547,767,107
- Nguyên giá	228	7,106,416,288
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-558,649,181
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13,029,473,029
III. Bất động sản đầu tư	240	0
- Nguyên giá	241	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	0

V. Tài sản dài hạn khác	260	54,406,115,594
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	49,807,481,168
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	4,598,634,426
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	957,615,434,256
NGUỒN VỐN		
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	809,030,616,895
I. Nợ ngắn hạn	310	356,344,602,923
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	155,523,600,372
2. Phải trả người bán	312	150,018,926,271
3. Người mua trả tiền trước	313	2,398,777,513
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	423,378,282
5. Phải trả người lao động	315	1,247,521,000
6. Chi phí phải trả	316	0
7. Phải trả các đơn vị nội bộ	317	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	46,732,399,485
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	0
II. Nợ dài hạn	330	452,686,013,972
1. Phải trả dài hạn người bán	331	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	0
3. Phải trả dài hạn khác	333	8,000,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	444,686,013,972
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	0
		0
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	148,584,817,361
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	148,584,817,361
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	125,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	0
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23,584,817,361
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0

1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	0
2. nguồn kinh phí	432	0
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	0
		0
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	957,615,434,256

- Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp : không
 - Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)
 - Cổ phiếu thường : 12.500.000 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu
 - Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại : không
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại :
 - Cổ phiếu thường : 12.500.000 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : không
 - Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn : theo quy định tại điều lệ công ty
2. **Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- Doanh thu bán hàng năm 2012 : 443,266,874,605 đồng, tăng 20,949,495,953 đồng so với năm 2011, tương ứng với tăng 4,96%
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2012: 2,805,128,310 đồng bằng 37.15% lợi nhuận trước thuế năm 2011.
3. **Những tiến bộ công ty đã đạt được**
- Đã hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức của công ty và các chi nhánh
 - Từng bước cải thiện và nâng cao hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm.
 - Bước đầu tiến hành định biên cho toàn công ty.
 - Rà soát, tiến hành thực hiện các biện pháp kiểm soát : Nguyên vật liệu, nhân sự, công lao động, thời gian hoạt động của máy móc thiết bị...
4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai.**
- Về nhân sự : xem xét lại cơ cấu tổ chức và đánh giá lại toàn bộ nhân viên để sắp xếp và bố trí nhân sự hợp lý.
 - Về sản xuất : Rà soát lại toàn bộ hệ thống định mức, ban hành các quy định quản lý để nâng cao thời gian hoạt động của máy móc, thiết bị.
 - Về kinh doanh : Rà soát lại phương án kinh doanh, nâng cao năng lực cho nhân viên kinh doanh, phát triển vững chắc thị trường nội địa, đẩy mạnh thị trường xuất khẩu.

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập : Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư vấn Tín Việt.
- Ý kiến kiểm toán độc lập : Ngoại trừ việc số dư hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 công ty kiểm toán không đủ điều kiện để tái kiểm kê và số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 49.807.481.168 đồng, trong đó giá trị còn lại của hệ thống than đá là 47.731.526.848 đồng, khi thanh lý tài sản cố định công ty chưa hạch toán vào chi phí trong kỳ và được treo lại để phân bổ dần vào chi phí trong 10 năm tiếp theo (Quyết định của Hội đồng quản trị), điều này làm tăng lợi nhuận kế toán năm 2012 của công ty lên một khoản tương ứng thì Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Các nhận xét đặc biệt. : không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : không
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: không

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty gồm có :

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết

định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành, có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng giám đốc Nhân sự

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, chuyên điều hành mọi hoạt động liên quan đến nhân sự, cơ cấu tổ chức của Công ty và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao.

Chức năng các phòng ban trong Công ty

Phòng Kỹ thuật: có chức năng trong việc chế tạo sản phẩm mới, kiểm tra và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu các loại nguyên liệu thay thế, sản xuất thử các sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường; lập kế hoạch và thực hiện sản xuất và sử dụng nguyên vật liệu, thực hiện các công việc quản lý, áp dụng kỹ thuật công nghệ mới.

Phòng Kế toán: có chức năng quản lý tài chính của Công ty; thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thống kê, nghiệp vụ Ngân hàng, lập các báo cáo quyết toán quý, năm; kiểm soát doanh thu và chi phí trên cơ sở các quy định về quản lý chi tiết của Công ty đã ban hành.

Phòng Vật tư, nhập khẩu: thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch kinh doanh từng tháng, quý, năm; có chức năng lựa chọn đơn vị cung ứng nguyên nhiên vật liệu, đảm bảo cung ứng đúng và đầy đủ nhu cầu cho sản xuất; quản lý và

điều hành hoạt động kho dự trữ nguyên vật liệu và kho thành phẩm. điều độ vật tư trong quá trình sản xuất.

Phòng Kinh doanh, xuất khẩu: có chức năng trong việc xác định mục tiêu, chiến lược, phương hướng hoạt động tiếp thị và kinh doanh sản phẩm; tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường, đưa ra các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy bán hàng, điều hành hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh và hệ thống tiêu thụ sản phẩm.

2. Thay đổi nhân sự chủ chốt :

- Thay đổi giám đốc điều hành trong năm : không
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng :
 - + 01 thành viên Hội đồng quản trị xin nghỉ: Ông Han Sam Ann
 - + Kế toán trưởng: Ông Đào Khánh Trí xin nghỉ, thay thế bằng Ông Phạm Trần Chiêu Dương.
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động : Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 số lượng nhân viên toàn công ty là hơn 600 người. Các chính sách đối với người lao động theo quy chế lương, thang lương, bậc lương và thỏa ước lao động tập thể đã đăng ký với cơ quan lao động .

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. *Hội đồng quản trị, Chủ tịch và Ban kiểm soát:*

Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

- | | |
|--------------------|------------|
| - Ông Lý Chí Cường | Chủ tịch |
| - Ông Lý Chí Hùng | Thành viên |
| - Ông Lâm Hải | Thành viên |
| - Ông Lê Hữu Khang | Thành viên |

2. *Ban Giám đốc*

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Huỳnh Chí Công | Tổng giám đốc |
| - Ông Nguyễn Văn Thắng | Phó tổng giám đốc |

3. *Ban Kiểm soát*

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| - Bà Lâm Mộng Ảnh | Trưởng ban kiểm soát |
| - Bà Bùi Hồng Phượng | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Văn Tuấn | Thành viên |

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên. :

+ Ông Lê Hữu Khang nhận chuyển nhượng 650.000 cổ phần

+ Bà Lâm Mộng Ảnh nhận chuyển nhượng 1.177.000 cổ phần

+ Ông Han Sam Ann chuyển nhượng 1.300.000 cổ phần.

Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước : không có

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập : Tổng số cổ đông tại ngày 31/12/2012 là 49 người, trong đó cổ đông sáng lập : 07 người

Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
Lý Chí Cường	961Cottonwood Way Walnut CA 91789 USA	39628332	1.600.000	12.80%
Tạ Xuân Mỹ	180 Phùng Hưng, P.14, Q.5, Tp.HCM	023288050	1.500.000	12.00%
Lý Chí Hùng	961Cottonwood Way Walnut CA 91789 USA	36433307	1.000.000	8.00%
Lâm Hải	37 Tổng Duy Tân, P.14, Q.5, Tp.HCM	021799002	1.200.000	9.60%
Lâm Mộng Ảnh	138B Trần Quý , P.6, Q.11, Tp.HCM	021799002	2.477.000	19.82%
Bùi Hồng Phượng	11A Hồ Xuân Hương, P.14, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	020765593	1.000.000	8.00%
Lê Hữu Khang	38 Trang Tử, P.14, Q.5, Tp.HCM	02200085	1.250.000	10.00%
Tổng cộng			10.027.000	80.22%

2.3. Cơ cấu cổ đông

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	CĐ trong nước		CĐ nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
1. CĐ sáng lập	74.270	59,42%	26.000	20,80%	100.270	80,22%
2. CĐ đặc biệt (HĐQT, BGD, BKS, KTT và những người liên quan)	3.600	2,88%	-	0%	3.600	2,88%
3. CĐ trong công ty	1.200	0,96%	-	0%	1.200	0,96%
4. CĐ ngoài công ty:						
■ Cá nhân	19.930	15,94%	-	0%	19.930	15,94%
■ Tổ chức						
Tổng cộng	99.000	79,20%	26.000	20,80%	125.000	100%

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
Lý Chí Cường	961 Cottonwood Way Walnut CA 91789 USA	39628332	1.600.000	12,80%
Lý Chí Hùng	961 Cottonwood Way Walnut CA 91789 USA	36433307	1.000.000	8,00%
Tổng cộng			2.600.000	20.80%

Ngày 16 tháng 04 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



David Lee
(Lý Chí Cường)